

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 5 - 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Quyên;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị M, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm 12, xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã Tr, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên toà có mặt chị M; vắng mặt anh D không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị M trình bày:

Chị và anh Phạm Văn D lấy nhau tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới ngày 21/11/2012 âm lịch và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là Tr), huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 28/3/2013. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng với gia đình bố mẹ đẻ anh D tại thôn T, xã Tr, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng sống cùng nhau khoảng hơn ba năm thì mâu thuẫn căng thẳng do vợ chồng không tập trung kinh tế, anh D đi làm được bao nhiêu

tiền đều tiêu cho bản thân và thường xuyên tụ tập với bạn bè uống rượu say rồi về đánh chửi chị M. Nhiều lần chị M và gia đình góp ý để khuyên anh D tập trung làm ăn nhưng anh D không nghe. Ngày 08/8/2016, anh D uống rượu say về đánh chửi chị và đập hết đồ đạc trong nhà, ngày 10/8/2016 chị đã xin phép bố mẹ chồng để về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Yên Bái. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Lời khai của anh Phạm Văn D lưu tại hồ sơ: Vợ chồng lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 28/3/2013. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì mâu thuẫn, vì vợ chồng dành dụm được ít tiền, vàng thì bị kẻ gian lấy trộm nên vợ chồng chửi nhau, sau đó chị M tự ý bỏ nhà đi đâu anh không biết, anh có gọi điện thoại tìm chị M nhưng chị M không về. Năm 2019, chị M về nói chuyện với anh về việc ly hôn, anh đã khuyên chị M về đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị M kiên quyết không về. Nay chị M xin ly hôn, anh cũng nhất trí.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không tiến hành phiên hoà giải được vì anh D vắng mặt không có lý do.

- Về con chung: Chị M và anh D đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Vũ Thảo T, sinh ngày 10/8/2013, hiện nay cháu T đang ở với chị M. Nếu ly hôn chị M yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh D cũng có nguyện vọng nuôi con, nhưng nếu chị M cương quyết anh cũng đồng ý giao cháu T cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị M và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên toà: Chị Vũ Thị M giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn và đề nghị được nuôi con chung như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, anh Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại các phiên họp, phiên toà sơ thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án giải quyết ly hôn giữa chị Vũ Thị M và anh Phạm Văn D. Về con chung: Giao cháu T cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Các vấn đề khác do chị M, anh D không yêu cầu nên không phải giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị M với anh Phạm Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Phạm Văn D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị M và anh Phạm Văn D là hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2016 thì mâu thuẫn, thường xuyên đánh chửi nhau, chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian sau đó về tỉnh Nam Định sinh sống, làm ăn, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết cho ly hôn giữa chị M và anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Vũ Thảo T, sinh ngày 10/8/2013 hiện đang do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M và anh D đều có nguyện vọng được nuôi con chung, chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, anh D đồng ý giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng nếu chị M kiên quyết muốn nuôi con chung. Xét thấy, tại phiên tòa chị M giữ nguyên quan điểm xin được nuôi cháu T, cháu T còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng và ổn định điều kiện sống, học tập. Vì vậy, nên giao cháu T cho chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị M và anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Vũ Thảo T, sinh ngày 10/8/2013 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2015/3630 ngày 09/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Đối với chị M kể từ ngày tuyên án, đối với anh D thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã Tr;
- Đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Huy